TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 390/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 126/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Y, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Số 618/73 F, Phường D, quận B (nay là phường B), Thành phố A

- Ông X; sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 618/73 F, Phường D, quận B (nay là phường B), Thành phố A

.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông X và bà Y là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn 135, quyển số 01/2005 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Phường D, quận B(nay là phường B) Thành phố A

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 18 tháng 6 năm 2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/8/2025 ông X và bà Y yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, có 02 con chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông X và bà Y thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, đã thoả thuận được việc nuôi con chung, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông X và bà Y thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn 135, quyển số 01/2005 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Phường D , quận B (nay là phường B) Thành phố A cấp hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là H, sinh ngày 21/6/2003 và G, sinh ngày 24/01/2006, các con đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông X và bà Y phải chịu lệ phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm nộp lệ phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0003272 ngày 14/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố A; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND.Khu vực 7;
- UBND P.11; Q.GV. (nay là phường Gò Vấp);
- Phòng THADS khu vực 7 - TP.HCM
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Chu Thị Bình